

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI DỰ ÁN, DỰ THẢO THÔNG TƯ BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG TÁC NẠO VẾT CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với dự án, dự thảo Dự thảo thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác nạo vét công trình hàng hải.

- 1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến góp ý, phản biện xã hội và tổng số ý kiến nhận được.
- 2. Kết quả cụ thể như sau:

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|--|--|--|
| | Sở Xây dựng Hải Phòng (Văn bản số: 3476/SXD-QLHTKT ngày 6/4/2026) | Cơ bản thống nhất | |
| | Văn Phòng Bộ Xây dựng (Văn bản số: 539/VP-KSTTHC ngày 6/4/2026) | Cơ bản thống nhất | |
| | Sở Xây dựng Cần Thơ (Văn bản số: 2568/SXD-KCHT ngày 9/4/2026) | Cơ bản thống nhất | |
| Chương II, Phần I | Sở Xây dựng Hà Nội (Văn bản số: 7491/SXD-KTXD ngày 9/4/2026) | - Đề nghị nghiên cứu trong phần hướng dẫn áp dụng làm rõ: phạm vi bao gồm hoặc không bao gồm của từng mã định mức và nguyên tắc thống nhất (không tính trùng) giữa: công tác nạo vét, vận chuyển, đổ thải, hút phun, hoàn nguyên hoặc san gạt bãi chứa (nếu có) giữa các mã định mức | - Tại Chương II “Thuyết minh và hướng dẫn áp dụng” ghi: “...công tác nạo vét công trình hàng hải được định mức cho các khối tàu hút, tàu hút bụng tự hành và máy đào gầu dây” - Ngoài thuyết minh và hướng dẫn áp dụng chung, trong định mức còn có phần thuyết minh và hướng dẫn cụ thể đối với từng nhóm, loại công tác nạo vét, vận chuyển phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công và biện pháp thi công |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|--|---|---|
| | | | Đã rà soát về phạm vi, thành phần hao phí giữa công tác nạo vét và vận chuyển => không tính trùng công việc tại các định mức |
| Phạm vi áp dụng của bộ định mức | | Đối với lĩnh vực đường thủy nội địa hiện nay đã có các quy định về quản lý hoạt động nạo vét và một số định mức kinh tế - kỹ thuật liên quan đến công tác quản lý, bảo trì, khảo sát. Tuy nhiên, chưa có bộ định mức chuyên ngành riêng đối với công tác nạo vét được xây dựng đầy đủ, chi tiết theo điều kiện thiết bị, công nghệ và tổ chức thi công tương tự như dự thảo Thông tư đối với công trình hàng hải. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định hoặc thuyết minh theo hướng mở đối với: phạm vi áp dụng của bộ định mức ban hành kèm theo Thông tư; nguyên tắc tham chiếu, vận dụng đối với các công tác có tính chất tương tự thuộc lĩnh vực đường thủy nội địa trong 2 trường hợp chưa có định mức chuyên ngành tương ứng và định hướng nghiên cứu, hoàn thiện đồng bộ hệ thống định mức chuyên ngành đối với công tác nạo vét trong lĩnh vực giao thông đường thủy. | Phạm vi điều chỉnh của dự thảo thông tư được quy định rõ: “... <i>liên quan đến hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển Việt Nam</i> ” Hoạt động nạo vét, duy tu luồng hàng hải có tiêu chuẩn kỹ thuật, phương tiện thiết bị thi công nạo vét và vận chuyển đi đổ, điều kiện địa hình và phạm vi khu vực thi công khác biệt so với lĩnh vực đường thủy nội địa. Do vậy, dự thảo Thông tư này không tham chiếu hoặc vận dụng các quy định của lĩnh vực hàng hải cho lĩnh vực đường thủy nội địa |
| Mục 2, Chương I, Phần I Nội dung định mức | Viện Kinh tế xây dựng (<i>Văn bản số: 912/VKT-ĐM ngày 9/4/2026</i>) | Định mức dự toán công tác nạo vét công trình hàng hải gồm: mã hiệu, tên công tác, đơn vị tính, thành phần công việc, quy định áp dụng (nếu có) và bảng hao phí định mức. Để đảm bảo các thành phần của định mức, tham khảo nội dung phần thuyết minh Phụ lục II, Thông tư 12/2021/TT-BXD | Tiếp thu và đã bổ sung Tại mục 2 Chương I – Phần I |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|--|---|--|
| Chương I - Phần II | | Đối với nội dung định mức, việc diễn giải các khoản mục chi phí (<i>bao gồm: số ca làm việc trong năm, định mức khấu hao, định mức sửa chữa,...</i>) cần được rà soát theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD. Để đảm bảo tính thống nhất với hệ thống định mức máy và thiết bị thi công đã được Bộ Xây dựng ban hành tại các Thông tư hiện hành. | Tiếp thu và đã bổ sung Tại mục 2 Chương I – Phần II |
| Chương II – Phần II | | Do hồ sơ dự thảo định mức không kèm theo hồ sơ xác định giá ca máy và thiết bị thi công, nên chưa có cơ sở để tham gia ý kiến đối với bảng định mức hao phí, các dữ liệu cơ bản và nguyên giá của máy, thiết bị thi công. Tuy nhiên, một số loại máy và thiết bị thi công trong dự thảo có tính chất tương đồng với các loại máy đã được công bố trong hệ thống định mức hiện hành (<i>Thông tư số 13/2021/TT-BXD và Thông tư số 60/2025/TT-BXD</i>), đề nghị nghiên cứu rà soát đối chiếu định mức hao phí và nguyên giá so với dữ liệu máy tại các Thông tư trên. | Số lượng máy và thiết bị thi công tại Phần II của Dự thảo Thông tư gồm: 24 phương tiện. Sau khi rà soát máy móc phương tiện với Thông tư số 13/2021/TT-BXD và Thông tư số 60/2025/TT-BXD, kết quả như sau: các phương tiện tại Dự thảo có công suất chi tiết khác với các loại máy đã được công bố (tàu hút, tàu hút bùn, máy đào gầu dây, sà lan tự hành xả đáy), trong đó phương tiện sà lan tự hành xả đáy khác với sà lan tự hành (loại phương tiện chở hàng khô) |
| Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng | Ban Quản lý dự án hàng hải và đường thủy (<i>Văn bản số: 566/BHHĐT-KTTĐ ngày 10/4/2026</i>) | Đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh phạm vi áp dụng của định mức từ “vùng nước cảng biển Việt Nam” thành “vùng nước cảng biển và đường thủy nội địa” nhằm đảm bảo bao quát đầy đủ các hoạt động nạo vét trong thực tiễn, phù hợp với phạm vi quản lý và nhu cầu áp dụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan | Đã giải trình theo ý kiến góp ý thứ 2 của Sở Xây dựng Hà Nội <i>1. Phạm vi điều chỉnh: “...liên quan đến hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển Việt Nam”</i> |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|---|--|--|
| Về thuyết minh hướng dẫn áp dụng | | Đề nghị nghiên cứu bổ sung hệ số áp dụng định mức độ sâu hạ gầu < 4m và > 6m đối với tàu hút bùn tự hành công suất 1636 CV và độ sâu hạ gầu < 5m hoặc > 9m đối với các loại tàu hút bùn tự hành công suất khác chưa được quy định tại Thông tư này | Tại Mục II.1. Nạo vét bằng tàu hút bùn tự hành, quy định “3. Điều kiện áp dụng hệ số: Công tác nạo vét bằng tàu hút bùn tự hành được định mức theo thuyết minh và hướng dẫn áp dụng chung. Trường hợp nạo vét khác với các điều kiện quy định trong định mức được điều chỉnh như sau: - Độ sâu hạ cần gầu đối với tàu hút bùn tự hành từ 4m đến 6m và từ 5m đến 9m theo công suất tàu, nếu độ sâu hạ cần gầu < 4m hoặc > 6m và < 5m hoặc > 9m thì định mức được nhân hệ số 1,15 so với định mức nạo vét bằng tàu hút bùn tương ứng.” <i>Như vậy, đối với Tàu hút bùn tự hành 1636 cv định mức độ sâu hạ gầu từ 4÷6(m) nếu độ sâu hạ gầu < 4m hoặc > 6m thì định mức được nhân hệ số 1,15</i> |
| Phần II- Chương II. Nguyên giá tham khảo (cột 10) làm cơ sở tính chi phí khấu hao trong giá ca máy | | Đề nghị làm rõ mục Nguyên giá tham khảo (cột 10) làm cơ sở tính chi phí khấu hao trong giá ca máy | Tại điểm c, khoản 1, Mục III PL V TT13/2021/TT-BXD hướng dẫn xác định nguyên giá ca máy. Nguyên giá máy tham khảo (cột 10) tổng hợp trên cơ sở lựa chọn giá thấp nhất giữa các báo giá thu thập được của các đơn vị tại thời điểm khảo sát. |
| Công tác nạo vét bằng tàu hút bùn tự hành | | Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu trình bày gộp kết cấu định mức theo nhóm, loại công tác và công suất tàu hướng tới việc quy định công suất tàu phù hợp, đơn giản hóa mã hiệu nhằm phản ánh sát thực tế thi công (công suất ≤ 7602 cv; công suất ≥ 5600 cv; công suất ≥ 1636 cv) | -Trên kết quả nghiên cứu, khảo sát thực tế: chủng loại các khối tàu, phương tiện tham gia nạo vét đa dạng về công suất phát biểu (ghi trong hồ sơ đăng kiểm phương tiện) phù hợp với điều kiện thi công nạo vét nhất định tại các công trình hàng hải. Sự phân biệt cơ bản là do mức độ huy động, sở hữu phương tiện của các đơn vị nhà thầu. |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|---|---|--|
| | | | -Việc phân chia thành nhóm công suất sẽ dẫn đến việc khó khăn trong công tác xây dựng giá ca máy thi công =>Dự thảo đã đưa vào trong Thành phần hao phí: [công suất tàu] (<i>hoặc tương đương</i>) |
| Chương II, Phần II. Định mức giá ca máy | Công ty TNHH MTV Long Hải (Văn bản số: 22.2026/CV-LH ngày 10/4/2026) | Khi áp dụng các mã định mức theo hồ sơ dự thảo (nêu trên), tính toán ra chi phí thấp hơn rất nhiều (đặc biệt là các mã định mức cho các tàu có trọng tải lớn) so với chi phí thực tế chi trả mà đơn vị đang triển khai thực hiện nay. Chi phí từ dự thảo định mức chưa phản ánh kịp thời biến động mặt bằng giá theo thị trường, cũng như các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình thi công => Rà soát, điều chỉnh các định mức chưa phù hợp, đặc biệt là định mức ca máy đối với các phương tiện có công suất và trọng tải lớn | Đơn vị soạn thảo ghi nhận và tiếp thu ý kiến phản ánh về việc chi phí tính theo dự thảo định mức thấp hơn chi phí thực tế, đặc biệt đối với các phương tiện có công suất và trọng tải lớn. Quá trình xây dựng định mức, Đơn vị soạn thảo đã tổ chức thu thập thông tin, khảo sát, rà soát trên cơ sở hồ sơ từ các đơn vị thi công nạo vét đang triển khai thực tế; ghi phiếu khảo sát đối với các phương tiện đang thi công; Việc rà soát tập trung vào: mức hao phí ca máy tàu thi công chính, mức hao phí ca máy các tàu phục vụ đi kèm (tàu kéo, tàu cấp dầu, tàu cấp nước, tàu phục vụ, ca nô). Kết quả rà soát, một số mã định mức có sự chênh lệch với định mức dự thảo, Đơn vị soạn thảo đã bổ sung các phiếu khảo sát với phương tiện có công suất phù hợp và bổ sung tính toán, đảm bảo định mức ban hành phù hợp với quy trình kỹ thuật công tác nạo vét và phản ánh sát hơn mặt bằng thực tế. |
| Chương II, Phần I. Định mức dự toán | | Phần tiêu hao của dự thảo định mức có thể chưa xem xét kỹ lưỡng tính thực tế thi công khi bị tác động bởi một số yếu tố ảnh hưởng như: Địa hình, tuyến luồng vừa thi công và vừa khai thác, cũng như trong điều kiện bất | Kết quả tính toán hao phí của các công tác được xác định từ phiếu khảo sát thực tế theo nguyên tắc: điều kiện thi công bình thường. Tại Phần I - Chương II và tại mục [3. Điều kiện áp dụng hệ số] tại mỗi công tác cụ thể, đã nêu các trường hợp nạo vét khác với các |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|--|--|--|
| | | <p>lợi của thời tiết.... dẫn đến hệ số áp dụng mã định mức bị thấp nếu so với thực tiễn => Bổ sung, cập nhật các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí thực tế trong điều kiện thi công đặc thù của công trình nạo vét hàng hải; Cần xây dựng linh hoạt hệ số định mức theo hướng phản ánh đầy đủ, kịp thời biến động của thị trường và các chi phí thực tế phát sinh.</p> | <p>điều kiện qui định trong định mức thì được điều chỉnh theo hệ số.</p> <p>Quá trình xây dựng định mức, Đơn vị soạn thảo đã tổ chức thu thập thông tin, khảo sát, rà soát trên cơ sở hồ sơ từ các đơn vị thi công nạo vét đang triển khai thực tế; ghi phiếu khảo sát đối với các phương tiện đang thi công; Việc rà soát tập trung vào: mức hao phí ca máy tàu thi công chính, mức hao phí ca máy các tàu phục vụ đi kèm (tàu kéo, tàu cấp dầu, tàu cấp nước, tàu phục vụ, ca nỏ).</p> <p>Kết quả rà soát, một số mã định mức có sự chênh lệch với định mức dự thảo, Đơn vị soạn thảo đã bổ sung các phiếu khảo sát với phương tiện có công suất phù hợp và bổ sung tính toán, đảm bảo định mức ban hành phù hợp với quy trình kỹ thuật công tác nạo vét và phản ánh sát hơn mặt bằng thực tế.</p> |
| Chương II, Phần II. Định mức giá ca máy | Công ty TNHH Hàng hải Sao Mai (Văn bản số: 77/SM-CV ngày 10/4/2026) | <p>Theo định mức các loại máy móc, thiết bị thi công ngày nay, có năng suất cao và các công nghệ mới đang được áp dụng phổ biến. Tuy nhiên đi kèm các loại máy móc, thiết bị này có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi chi phí vận hành, bảo dưỡng, bảo trì và sửa chữa lớn hơn rất nhiều so với các loại thiết bị trước kia</p> | <p>Định mức hao phí và các dữ liệu cơ bản của máy và thiết bị thi công trong dự thảo được tổng hợp trên kết quả khảo sát thực tế và đánh giá so sánh với các loại máy có tính chất tương đồng đã được công bố trong hệ thống định mức hiện hành (<i>Thông tư số 13/2021/TT-BXD và Thông tư số 60/2025/TT-BXD</i>) =>Đề nghị đơn vị bổ sung thêm thông tin tài liệu về việc quản lý sử dụng máy móc của đơn vị để tổng hợp, xem xét dữ liệu về vận hành, bảo dưỡng, bảo trì và sửa chữa làm cơ sở điều chỉnh (nếu phù hợp).</p> |
| | | <p>Dự thảo định mức tiêu hao nhiên liệu có thể chưa phản ánh hết đến những yếu tố thực tế thi công cho các khu vực bị ảnh hưởng bởi</p> | <p>Kết quả tính toán hao phí của các công tác được xác định từ phiếu khảo sát thực tế theo nguyên tắc: điều</p> |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|---|---|---|
| | | điều kiện sóng gió, địa hình và cả tính chất đặc thù công trình vừa thi công vừa khai thác (do phải điều động phương tiện thi công ra vào để tránh luồng, đặc biệt có những tuyến luồng có mật độ lưu thông tàu thuyền hành hải rất lớn). | kiện thi công bình thường. Tại Phần I – Chương II đã nêu các trường hợp nạo vét khác với các điều kiện qui định trong định mức thì được điều chỉnh theo hệ số. Về tiêu hao nhiên liệu là mức tiêu thụ bình quân của phương tiện trong một ca làm việc được đánh giá trên số liệu tổng hợp bình quân của phương tiện có công suất tương đương nhau và so sánh với các loại máy có tính chất tương đồng đã được công bố trong hệ thống định mức hiện hành (<i>Thông tư số 13/2021/TT-BXD và Thông tư số 60/2025/TT-BXD</i>) |
| | | Định mức có thể chưa phản ánh hết cơ chế linh hoạt đơn giá ca máy khi có biến động lớn về giá nhiên liệu, phụ tùng, hoặc chi phí nhân công theo mặt bằng thị trường thực tế hoặc sự biến động và chi phí thực tế phát sinh trên công trường | Định mức được xác định theo phương pháp hướng dẫn tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD. Đối với trường hợp đơn giá ca máy có biến động lớn về chi phí nhân công, nguyên giá ca máy thì căn cứ tại Phụ lục IV và phụ lục V ban hành kèm Thông tư số 13/2021/TT-BXD để xác định lại nguyên giá ca máy và đơn giá nhân công làm cơ sở để các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố. |
| | | Ngoài chi phí trực tiếp trong quá trình thi công theo định mức, nhà thầu còn chịu một khoảng chi phí gián tiếp khác như phương án hàng hải, điều tiết giao thông trong quá trình thi công và một số phí theo quy định trong lĩnh vực hàng hải (trong chi phí dự toán gói thầu hiện này là chưa có). | Đối với các chi phí gián tiếp, các đơn vị thụ hưởng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng để xây dựng đơn giá xây dựng, lập dự toán xây dựng công trình; đồng thời tuân thủ các quy định về an toàn, về môi trường về hoạt động đặc thù mà công trình thuộc đối tượng điều chỉnh để tổng hợp chi phí. |
| | Công ty TNHH Trục Vót Song Thương | Đối với các phương tiện, thiết bị có công suất lớn đi kèm với đó là yêu cầu vận hành và bảo dưỡng tương đối lớn, có thể khiến chi phí | Định mức hao phí và các dữ liệu cơ bản của máy và thiết bị thi công trong dự thảo được tổng hợp trên kết quả khảo sát thực tế và đánh giá so sánh với các loại |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|---|--|---|
| | (Văn bản số: 111/CV ngày 10/4/2026) | thực tế cao hơn so với mức dự kiến trong định mức. | máy có tính chất tương đồng đã được công bố trong hệ thống định mức hiện hành (<i>Thông tư số 13/2021/TT-BXD và Thông tư số 60/2025/TT-BXD</i>) =>Đề nghị Đơn vị bổ sung thêm thông tin tài liệu về việc quản lý sử dụng máy móc của đơn vị để tổng hợp, xem xét dữ liệu về vận hành, bảo dưỡng, bảo trì và sửa chữa làm cơ sở điều chỉnh (nếu phù hợp). |
| | | Điều kiện thi công nạo vét thường chịu tác động bởi nhiều yếu tố khách quan như thời tiết, sóng gió hoặc mật độ tàu thuyền lưu thông, đặc biệt tại các tuyến luồng đang khai thác. Những yếu tố này đôi khi ảnh hưởng đến năng suất và mức tiêu hao nhiên liệu trong thực tế. | Kết quả tính toán hao phí của các công tác được xác định từ phiếu khảo sát thực tế theo nguyên tắc: điều kiện thi công bình thường. Tại Phần I – Chương II đã nêu các trường hợp nạo vét khác với các điều kiện qui định trong định mức thì được điều chỉnh theo hệ số. |
| | | Trong bối cảnh giá nhiên liệu, vật tư và nhân công có sự biến động theo thị trường, việc nghiên cứu cơ chế điều chỉnh linh hoạt (nếu có thể) sẽ giúp việc áp dụng định mức thuận lợi hơn. Trong quá trình thi công, đơn vị thực hiện còn phải đảm bảo một số yêu cầu liên quan đến an toàn hàng hải và tổ chức giao thông thủy, là những yếu tố phát sinh thêm chi phí nhưng hiện chưa được thể hiện rõ trong dự toán. | Đối với các chi phí gián tiếp, các đơn vị thụ hưởng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng để xây dựng đơn giá xây dựng, lập dự toán xây dựng công trình; đồng thời tuân thủ các quy định về an toàn, về môi trường về hoạt động đặc thù mà công trình thuộc đối tượng điều chỉnh để tổng hợp chi phí. |
| Điều 2 của Dự thảo Thông tư | Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam (Văn bản số: 1662/VMSC-ATHH ngày 10/4/2026) | Hiện mới chỉ quy định về hiệu lực thi hành và việc thay thế Thông tư số 44/2018/TT-BGTVT, chưa có quy định về chuyển tiếp. Đề nghị xem xét, bổ sung quy định chuyển tiếp | Thông tư số 44/2018/TT-BGTVT ban hành định mức dự toán công tác nạo vét dưới nước bằng máy đào gầu dây và vận chuyển đất, cát đổ đi bằng sà lan tự hành mở đáy nhưng chưa có định mức hao phí máy và thiết bị thi công làm cơ sở xác định giá ca máy. |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|---|--|---|
| | | nhằm tránh phát sinh vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; | Nên, việc thay thế Thông tư 44/2018/TT-BGTVT không quy định chuyển tiếp. Quy định chuyển tiếp (nếu có về quản lý chi phí) thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 44 của Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. |
| Phạm vi và nguyên tắc áp dụng định mức | | Các thành phần hao phí trong Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở một số loại phương tiện thi công tại các công trình do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam làm chủ đầu tư với công suất, thông số kỹ thuật nhất định. Tuy nhiên, trong thực tế thi công nạo vét công trình hàng hải hiện nay và thời gian tới, có thể xuất hiện các phương tiện có công suất, thông số kỹ thuật không hoàn toàn trùng khớp với các mức quy định trong định mức. Vì vậy, để đảm bảo tính kế thừa và khả năng áp dụng, đề nghị nghiên cứu, bổ sung, làm rõ phạm vi và nguyên tắc áp dụng định mức đối với các trường hợp này, nhằm đảm bảo thuận lợi, thống nhất và hạn chế phát sinh vướng mắc trong quá trình áp dụng. | 1. Trên kết quả nghiên cứu, khảo sát thực tế: chủng loại các khối tàu, phương tiện tham gia nạo vét đa dạng về công suất phát biểu (ghi trong hồ sơ đăng kiểm phương tiện) phù hợp với điều kiện thi công nạo vét nhất định tại các công trình hàng hải. Sự phân biệt cơ bản là do mức độ huy động, sở hữu phương tiện của các đơn vị nhà thầu. -Việc phân chia thành nhóm công suất sẽ dẫn đến việc khó khăn trong công tác xây dựng giá ca máy thi công =>Dự thảo đã đưa vào trong Thành phần hao phí: [công suất tàu] (<i>hoặc tương đương</i>) 2. Theo quy định về định mức xây dựng: - Đối với công tác xây dựng có công nghệ thi công mới, sử dụng vật liệu mới chưa được quy định trong hệ thống định mức, CĐT các dự án đầu tư công có trách nhiệm tổ chức khảo sát, cung cấp số liệu theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước. - Trường hợp chưa có định mức hoặc có nhưng chưa phù hợp thì được tổ chức xây dựng, vận dụng, điều chỉnh định mức hoặc sử dụng giá xây dựng theo quy định để xác định dự toán xây dựng, tổng mức đầu tư và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|---|--|---|
| Sự cần thiết ban hành Thông tư | Viện Khoa học và Công nghệ GTVT (Văn bản số: 1227/VKHCN-KHTC ngày 10/4/2026) | Về sự cần thiết ban hành Thông tư đề nghị xem xét các nội dung: Bổ sung phân tích định lượng về mức độ sai lệch giữa định mức hiện hành theo Thông tư số 44/2018/TT-BGTVT ngày 03/8/2018 và thực tế; Làm rõ các tồn tại, bất cập trong thực tiễn áp dụng định mức hiện hành (việc vận dụng không thống nhất, nguy sai lệch chi phí); Đánh giá cụ thể tác động của định mức mới đến chi phí nạo vét công trình. | <p>1. Thông tư số 44/2018/TT-BGTVT về thi công nạo vét dưới nước bằng máy đào gầu dây: có định mức dự toán công tác nạo vét nhưng chưa có định mức các hao phí và các dữ liệu cơ bản làm cơ sở xác định giá ca máy nên chưa được áp dụng để xây dựng đơn giá, lập dự toán xây dựng công trình. Vì vậy, định mức nạo vét trong TT 44/2018/Tt-BGTVT chưa tác động đến chi phí nạo vét công trình.</p> <p>2. Trên kết quả nghiên cứu, rà soát các định mức tại TT 44/2018/TT-BGTVT đối với các định mức nạo vét dưới nước bằng máy đào gầu dây và vận chuyển chất đất, cát đổ đi bằng sà lan tự hành xả đáy có sự chênh lệch với định mức dự thảo. Đơn vị soạn thảo đã bổ sung các phiếu khảo sát với phương tiện có công suất phù hợp và bổ sung tính toán, đảm bảo định mức ban hành phù hợp với quy trình kỹ thuật công tác nạo vét và phản ánh sát hơn mặt bằng thực tế.</p> |
| Máy thi công khác | | Đề nghị làm rõ các căn cứ đưa ra các hao phí trong các định mức cụ thể như hao phí máy thi công khác (%)... Ngoài ra xem xét thêm vấn đề tính toán khối lượng nạo vét bị tổn thất do vật liệu bồi lắng trở lại, điều kiện thi công bất lợi. | <p>1. Hao phí máy khác: căn cứ tại Phụ lục III ban hành kèm Thông tư số 13/2021/TT-BXD “Hao phí máy khác là những loại máy thi công chiếm tỷ trọng chi phí nhỏ trong chi phí máy thi công, được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) và được tính toán, xác định phù hợp với từng loại công tác theo điều kiện cụ thể hoặc tham khảo định mức dự toán của công trình có điều kiện, biện pháp thi công tương tự đã thực hiện”.</p> <p>2. Vấn đề tính toán khối lượng nạo vét bị tổn thất do vật liệu bồi lắng trở lại, điều kiện thi công bất lợi: trong dự thảo đã ghi rõ: “Định mức cho một đơn vị khối lượng chất nạo vét là mức hao phí bình quân để hoàn thành công tác nạo vét theo yêu cầu kỹ thuật và</p> |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH | | | |
|--|---|--|--|------------------|-------------------|---|
| | | | tiêu chuẩn (không phân biệt khối lượng độ sâu vượt quá và chiều rộng vượt quá được phép theo tiêu chuẩn)”. Tồn thất do vật liệu bồi lắng trở lại không phản ánh hao phí bình quân mà chịu ảnh hưởng bởi tổ chức quản lý thi công nạo vét và công tác quản lý chất lượng, nghiệm thu công việc nạo vét. | | | |
| Về hồ sơ dự thảo Thông tư | Vụ Pháp chế (Văn bản số: 467/PC ngày 10/4/2026) | Đề nghị rà soát bổ sung đầy đủ hồ sơ để đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 39 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) (ví dụ như bản so sánh, thuyết minh dự thảo thông tư; báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật...). | Tiếp thu ý kiến: bổ sung Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật. | | | |
| Tờ trình (trang 2), cơ quan chủ trì soạn có thuyết minh “Khoản 51 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020 (sửa đổi Điều 136 Luật Xây dựng 2014) | | Tại dự thảo Tờ trình (trang 2), cơ quan chủ trì soạn có thuyết minh “Khoản 51 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi 2020 (sửa đổi Điều 136 Luật Xây dựng 2014) đã điều chỉnh nội dung quy định về hệ thống định mức xây dựng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, chủ đầu tư căn cứ quy định về quản lý chi phí, áp dụng hệ thống định mức được ban hành để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Hệ thống định mức xây dựng là công cụ quản lý chi phí, kiểm soát vốn đầu tư công; đồng thời đảm bảo tính thống nhất các mức tiêu hao vật tư, nhân công, máy và thiết bị thi công khác nhau | Đã rà soát, cập nhật. Căn cứ VB QPPL đã cập nhật: <table><tr><th>Nội dung dự thảo</th><th>Nội dung cập nhật</th></tr><tr><td>Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của</td><td>Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;</td></tr></table> | Nội dung dự thảo | Nội dung cập nhật | Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của |
| Nội dung dự thảo | Nội dung cập nhật | | | | | |
| Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của | Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; | | | | | |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH | | | | | |
|---|---|---|---|--|------------------|-------------------|---|---|
| | | cho cùng một loại công việc”. Tuy nhiên, ngày 10/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 với nhiều nội dung mới (Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026). Do đó, việc cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh cơ sở thực tiễn dựa trên Luật Xây dựng 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) là không phù hợp. Đề nghị rà soát Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 để đảm bảo nội dung dự thảo Thông tư phù hợp và đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật | Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; | | | | | |
| Về trình tự, thủ tục | | Trong quá trình xây dựng dự thảo Thông tư, đề nghị rà soát để đảm bảo thực hiện đầy đủ quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (như đăng tải hồ sơ dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử, truyền thông dự thảo văn bản, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền của Đảng....) | Tiếp thu ý kiến: Cục HH&ĐTVN và Cục KCHTXD đã phối hợp đăng tải đầy đủ dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, đã truyền thông dự thảo văn bản trên trang thông tin điện tử của Cục HH&ĐTVN và trang thông tin điện tử của Bộ XD. Đối với xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền của Đảng sẽ thực hiện ở bước sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế. | | | | | |
| Dự thảo Thông tư, Phần căn cứ | | - Căn cứ số 1: Đề nghị xem xét sửa lại như sau: “Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ” để đảm bảo phù hợp với kỹ thuật viện dẫn văn bản QPPL theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Đồng thời rà soát để xem | Đã rà soát, cập nhật. Căn cứ VB QPPL đã cập nhật: <table><tr><th>Nội dung dự thảo</th><th>Nội dung cập nhật</th></tr><tr><td>Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;</td><td>Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;</td></tr></table> | | Nội dung dự thảo | Nội dung cập nhật | Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015; | Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; |
| Nội dung dự thảo | Nội dung cập nhật | | | | | | | |
| Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015; | Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; | | | | | | | |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH | |
|---|---|--|--|--|
| | | xét sửa tương tự đối với các căn cứ còn lại - Căn cứ số 2, số 3, 4: Đề nghị xem lại các căn cứ này vì ngày 10/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 (Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026). Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) sẽ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026. Đồng thời hiện nay Bộ Xây dựng đang triển khai xây dựng các văn bản quy định chi tiết Luật. Do đó, cần xem lại các căn cứ này để đảm bảo phù hợp với Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn Luật | Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; | Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; |
| Điều 1 và Phụ lục kèm theo Thông tư | | Tại hồ sơ gửi xin ý kiến chưa có bản so sánh thuyết minh nội dung dự thảo Thông tư, cơ sở để đưa ra định mức tại các Phụ lục Thông tư. Do đó, Vụ Pháp chế không có cơ sở để tham gia ý kiến đối với các nội dung này | Tiếp thu ý kiến. Cơ sở để lập định mức theo hướng dẫn tại PLIII Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021. Cụ thể, sử dụng phương pháp kết hợp của các phương pháp: Tính toán theo hồ sơ thiết kế, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thi công, biện pháp thi công; Theo số liệu thống kê của công trình đã thực hiện; Tổ chức khảo sát, thu thập số liệu từ thi công thực tế. | |
| | Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tường Vy (Văn bản số: 05/2026/ĐĐN-KH ngày 11/4/2026) | Theo định mức các loại máy móc, thiết bị thi công hiện nay, các loại máy móc, thiết bị này có yêu cầu kỹ thuật cao, lại thi công tại các khu vực vùng giáp biển nên rất dễ hư hỏng, khấu hao sớm, đòi hỏi chi phí vận hành, bảo dưỡng, bảo trì và sửa chữa rất lớn hơn nhiều so các loại thiết bị thi công trước kia. | Định mức hao phí và các dữ liệu cơ bản của máy và thiết bị thi công trong dự thảo được tổng hợp trên kết quả khảo sát thực tế và đánh giá so sánh với các loại máy có tính chất tương đồng đã được công bố trong hệ thống định mức hiện hành (Thông tư số 13/2021/TT-BXD và Thông tư số 60/2025/TT-BXD) | |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH | | | | |
|---|---|--|--|------------------|-------------------|---|---|
| | | | => Đề nghị đơn vị bổ sung thêm thông tin tài liệu về việc quản lý sử dụng máy móc của đơn vị để tổng hợp, xem xét dữ liệu về vận hành, bảo dưỡng, bảo trì và sửa chữa làm cơ sở điều chỉnh (nếu phù hợp). | | | | |
| | | Ngoài chi phí trực tiếp trong quá trình thi công theo định mức, Nhà thầu xây dựng còn phải chịu một khoảng chi phí gián tiếp khác rất lớn: như phương án đảm bảo an toàn giao thông, điều tiết giao thông luồng hàng hải trong quá trình thi công, chi phí ra vào vùng nước cảng biển theo quy định cũng như chi phí tập kết và giải tán thiết bị trong chi phí dự toán gói thầu hiện nay là chưa có đề cập và hướng dẫn khi lập dự toán. | Đối với các chi phí gián tiếp, các đơn vị thụ hưởng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng để xây dựng đơn giá xây dựng, lập dự toán xây dựng công trình; đồng thời tuân thủ các quy định về an toàn, về môi trường về hoạt động đặc thù mà công trình thuộc đối tượng điều chỉnh để tổng hợp chi phí. | | | | |
| Căn cứ pháp lý | Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản số: 12450/SXD-QLĐT ngày 14/4/2026) | Việc xây dựng Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác nạo vét công trình hàng hải được thực hiện dựa trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành. Qua xem xét, Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng nghiên cứu rà soát, cập nhật và bổ sung các căn cứ pháp lý mới (nếu có), bao gồm Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026) và dự án Bộ luật Hàng hải (hiện do Bộ Xây dựng chủ trì soạn thảo), nhằm bảo đảm hệ thống định mức được xây dựng đầy đủ, chặt chẽ, phù hợp với quy định pháp luật và mang tính ổn định, áp dụng lâu dài. | <div>Đã rà soát, cập nhật. Căn cứ VB QPPL đã cập nhật:</div> <table><tr><th>Nội dung dự thảo</th><th>Nội dung cập nhật</th></tr><tr><td>Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;</td><td>Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;</td></tr></table> | Nội dung dự thảo | Nội dung cập nhật | Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; | Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; |
| Nội dung dự thảo | Nội dung cập nhật | | | | | | |
| Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; | Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; | | | | | | |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|--|---|---|---|
| Khoản 1 Điều 1 của dự thảo Thông tư | Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng (Văn bản số: 522/KHCNMT &VLXD ngày 8/4/2026) | Đề nghị làm rõ tại khoản 1 Điều 1 của dự thảo Thông tư là “định mức kinh tế - kỹ thuật công tác nạo vét công trình hàng hải” hay “Định mức dự toán công tác nạo vét công trình hàng hải”. Làm rõ cụm từ “Định mức dự toán” là gì? | Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm định mức cơ sở và định mức dự toán. Đơn vị soạn thảo sử dụng “Định mức kinh tế - kỹ thuật” để đảm bảo tính linh hoạt và ổn định lâu dài. Khi cơ quan quản lý nhà nước tiến hành rà soát, cập nhật, điều chỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất (bổ sung mã định mức mới cho phương tiện mới, cập nhật mức hao phí theo biến động thị trường, điều chỉnh theo điều kiện thi công đặc thù), các nội dung cập nhật đó đều nằm trong phạm vi điều chỉnh của Thông tư mà không phát sinh vướng mắc về khái niệm hay phải sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật. |
| Cấp bậc nhân công, định mức nhân công, định mức ca máy | | Đề nghị làm rõ cơ sở giảm cấp bậc nhân công, định mức nhân công, định mức ca máy đối với hoạt động nạo vét dưới nước bằng các loại máy đào gầu dây trong dự thảo Thông tư so với cấp bậc nhân công, định mức nhân công, định mức ca máy đối với hoạt động nạo vét dưới nước bằng các loại máy đào gầu dây tương ứng trong Thông tư số 44/2018/TT-BGTVT (4/7) | - Đơn vị tư vấn so sánh, đối chiếu với các công việc có tính chất tương tự trong hệ thống định mức đã được ban hành tại Thông tư 13/2021/TT-BXD làm cơ sở lựa chọn cấp bậc nhân công, phù hợp với hệ thống định mức chung, phù hợp với cấp bậc thợ bình quân trong tổ đội nhân công thực tế. - Đối với hao phí nhân công và ca máy thi công được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư 13/2021/TT-BXD. |
| Cơ sở xây dựng định mức đối với hoạt động nạo vét bằng tàu hút bùn tự hành | | Đề nghị bổ sung cơ sở xây dựng định mức đối với hoạt động nạo vét bằng tàu hút bùn tự hành trong dự thảo Thông tư, trong đó làm rõ tại sao chỉ xây dựng đối với loại tàu hút bùn với một số công suất cố định (1636CV, 2100CV, 2360CV, 2420CV, 3200CV, 4056CV, 5200CV, 5600CV và 7602CV), trong khi đó lại quy định định mức đối với hoạt động hút phun hỗn hợp bùn đất từ hố | - Phần nội dung cơ sở xây dựng định mức đã được đơn vị tư vấn nêu tại tập thuyết minh tính toán định mức và các hồ sơ đi kèm. Trong dự thảo thông tư chỉ nêu nội dung kết quả xây dựng định mức. - Phương pháp xây dựng định mức hướng dẫn tại PLIII-TT13/2021/TT-BXD: Tính toán theo hồ sơ thiết kế, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thi công, biện pháp thi công; Theo số liệu thống kê của công trình đã thực hiện; Tổ chức |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|--|---|--|---|
| | | chứa dưới nước (sau khi xả đáy) lên bãi chứa của một số phương tiện không tương ứng công suất đối với hoạt động nạo vét bằng tàu hút bụng tự hành (2610CV, 2348CV, 2094CV, 1390CV, 815CV, 11794CV) | khảo sát, thu thập số liệu từ thi công thực tế. Trong quá trình tính toán có thể kết hợp các phương pháp. - Dự thảo hao phí định mức được xây dựng dựa trên các loại máy móc, thiết bị thực tế phù hợp điều kiện thi công và biện pháp thi công (<i>tàu hút bụng khác với tàu hút phun</i>): + Tàu hút bụng tự hành: 1636CV, 2100CV, 2360CV, 2420CV, 3200CV, 4056CV, 5200CV, 5600CV và 7602CV + Tàu hút phun: 2610CV, 2348CV, 2094CV, 1390CV, 815CV, 11794CV |
| Vận chuyển đất cát đổ đi bằng tàu hút bụng tự hành | | Đề nghị bổ sung cơ sở xây dựng định mức đối với hoạt động vận chuyển đất cát đổ đi 1km tiếp theo ngoài 6 km đầu bằng tàu hút bụng tự hành. | Kết quả định mức được tính toán, xác định theo phương pháp xác định từ tổ chức khảo sát, thu thập số liệu từ thi công thực tế với các cự li đến 20km và ngoài 20km đối với từng phương tiện. |
| Nạo vét bằng tàu hút | | Đề nghị làm rõ cơ sở và sự khác biệt về định mức giữa hoạt động nạo vét bằng tàu hút với hoạt động hút phun hỗn hợp bùn, đất từ hồ chứa dưới nước (sau khi xả đáy) lên bãi chứa bằng tàu hút. | Công tác nạo vét bằng tàu hút phun là quá trình hút trực tiếp chất nạo vét dưới nước, trong đó điều kiện địa chất được phân chia theo các cấp đất khác nhau. Công tác hút, phun hỗn hợp chất nạo vét từ hồ chứa lên bãi chứa bằng tàu hút phun là quá trình hút từ hồ trung chuyển sau khi chất nạo vét đã được xả đáy và đánh toi, khi đó chỉ còn một cấp đất (bùn lỏng). Vì vậy, điều kiện thi công và tính chất vật liệu của hai công tác là khác nhau, dẫn đến định mức hao phí về lao động và máy thi công không giống nhau. |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|--|--|--|
| Phần II, chương II. Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng và nguyên giá | | Đề nghị bổ sung cơ sở xác định định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng và nguyên giá tham khảo để xác định giá ca máy và thiết bị thi công công tác nạo vét công trình hàng hải. | Phương pháp xác định giá ca máy, nguyên giá của máy, phương tiện được xác định theo điểm c, khoản 1, Mục III PL V Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình hoặc các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác (nếu có). |
| Mục VI-Tờ trình | Vụ Kế hoạch - Tài chính (Văn bản số: 720/KHTC ngày 8/4/2026) | Đề nghị rà soát, chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật trình bày, chính tả, diễn đạt trong hồ sơ; bảo đảm thống nhất. Ví dụ, tại Mục VI của Tờ trình còn nội dung "khảo sát đo sâu trong lĩnh vực hàng hải" chưa thống nhất với tên Thông tư | Tiếp thu, đã rà soát và sửa các lỗi chính tả trong dự thảo |
| | | Đề nghị rà soát các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước liên quan đến công tác nạo vét để nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện các định mức còn thiếu hoặc chưa phù hợp; đồng thời thuyết minh rõ trong hồ sơ dự thảo nhằm bảo đảm tính đầy đủ, đồng bộ và cơ sở thực tiễn của hệ thống định mức ban hành | Đã tổ chức rà soát và Thông tư này đã hoàn thiện theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước liên quan đến công tác nạo vét (<i>Thông báo số 843/TB-KTNN ngày 28/12/2018 và số 152/TB-KTNN ngày 27/7/2020 của Kiểm toán nhà nước; Báo cáo kiểm toán tại Tổng công ty ĐBATHH miền Nam số 633/KTNN ngày 28/10/2022 của Kiểm toán nhà nước; Kết luận thanh tra số 3071/KL-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ GTVT</i>) |
| | | Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát việc xác định định mức đối với các công việc phục vụ tổ chức thực hiện nạo vét, như chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn giám sát và một số chi phí tư vấn cần thiết khác. Thực tiễn công tác nạo vét công trình hàng hải có đặc thù riêng, do vậy cần thiết có định mức riêng | Ghi nhận ý kiến đóng góp. Phạm vi nghiên cứu được thực hiện từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc công tác nạo vét. Các chi phí tổ chức thực hiện công trình nạo vét tuân thủ quy định về quản lý chi phí Nghị định 10/2021, Nghị định quản lý hoạt động nạo vét 57/2024 và các quy định về đảm bảo an toàn hàng |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|--|--|--|
| | | | hải, về môi trường về hoạt động đặc thù mà công trình thuộc đối tượng điều chỉnh để tổng hợp chi phí. |
| Phần II. Các hao phí, dữ liệu cơ bản và nguyên giá tham khảo làm cơ sở xác định giá ca máy và thiết bị thi công | | Đề nghị xem xét, thuyết minh thêm cơ sở khảo sát, tính toán, xác định đối với các định mức bổ sung, định mức rà soát sửa đổi, đặc biệt là Phần II về các hao phí, dữ liệu cơ bản và nguyên giá tham khảo làm cơ sở xác định giá ca máy và thiết bị thi công (nguồn số liệu, thời điểm khảo sát, nguyên tắc quy đổi, chuẩn hóa khi cần thiết) | <p>Phần II: Các hao phí, dữ liệu cơ bản và nguyên giá tham khảo làm cơ sở xác định giá ca máy và thiết bị thi công được xác định trên cơ sở tham khảo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.</p> <p>- Phần nội dung cơ sở xây dựng định mức đã được đơn vị tư vấn nêu tại tập thuyết minh tính toán định mức và các hồ sơ đi kèm. Trong dự thảo thông tư chỉ nêu nội dung kết quả xây dựng định mức.</p> <p>- Dự thảo hao phí định mức được xây dựng dựa trên các loại máy móc, thiết bị thực tế tại hiện trường tương ứng với từng loại nhóm công tác.</p> |
| | | Phần II, dự thảo có quy định “Đối với máy có cùng công năng nhưng khác về công suất hoặc thông số kỹ thuật chủ yếu chưa được công bố thì sử dụng định mức các hao phí của máy có cùng công năng hoặc điều chỉnh cho phù hợp”. Đề nghị xem xét, cân nhắc nội dung này vì cùng công năng nhưng khác công suất thì sẽ ảnh hưởng đến hao phí, định mức | <p>Tiếp thu. Đã rà soát điều chỉnh nội dung như sau:</p> <p><i>“Đối với máy có cùng công năng nhưng khác về công suất hoặc thông số kỹ thuật chủ yếu chưa được công bố thì sử dụng định mức các hao phí của máy có cùng công năng điều chỉnh cho phù hợp theo phương pháp hướng dẫn tại Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình”</i></p> |
| Báo cáo đánh giá tác động, mục 1.5.1 Cơ sở pháp lý để xây dựng | Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng (Văn bản số: 345 /HVCLBD | “Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 01/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng” sửa đổi thành Bộ Giao thông vận tải. | Đã rà soát, chỉnh sửa. |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|--|---|--|---|
| Dự thảo Thông tư | <i>-VT&ATGT ngày 9/4/2026)</i> | Xem xét, bổ sung mục Cơ sở xây dựng định mức tại Phần I, Chương I Quy định chung của dự thảo Thông tư | - Cơ sở xây dựng định mức đã được nêu trong tập thuyết minh tính toán. Dự thảo Thông tư chỉ nêu phần kết quả xây dựng định mức. |
| Phần I, Chương II Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác nạo vét công trình hàng hải | | Xem xét, bổ sung mục Quy trình thực hiện tại Phần I, Chương II Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác nạo vét công trình hàng hải để làm rõ phạm vi, quy trình thực hiện của công tác xây dựng định mức | Đã tiếp thu, bổ sung: Lưu đồ quy trình thực hiện, thành phần công việc của từng nhóm công tác. |
| Thành phần hồ sơ | | Hoàn thiện đầy đủ Hồ sơ báo cáo kết quả xác định định mức theo quy định tại Phụ lục III Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng | Đã tiếp thu, hoàn thiện. |
| Mục 1, Chương I, Phần I | Công ty Cổ phần Tư vấn và xây dựng Thịnh Long (Văn bản số: 116/2026/CV-KHDA-TLC ngày 9/4/2026) | Đề nghị sửa thành: Định mức dự toán công tác nạo vét công trình hàng hải được xây dựng để áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển Việt Nam. | Tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa. Định mức dự toán công tác nạo vét công trình hàng hải được xây dựng để áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động nạo vét, duy tu luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển Việt Nam. |
| Khoản 2.1, Mục 2, Chương I, Phần I | | Điều chỉnh: “Mức hao phí lao động được tính bằng số ngày công theo cấp bậc công nhân. Cấp bậc công nhân là cấp bậc bình quân của các công nhân trực tiếp và công nhân phục vụ tham gia thực hiện một đơn vị khối lượng công tác xây dựng.” Lý do: Đoạn “Cấp bậc công nhân là cấp bậc bình quân của các công nhân tham gia thực hiện một đơn vị công tác xây dựng.” trùng với nội dung của đoạn tiếp theo. | Tiếp thu ý kiến. Đã rà soát, chỉnh sửa. |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|---|--|--|
| Chương II, Phần I | | Do tính năng tác dụng, nguyên lý hoạt động, qui trình hoạt động và điều kiện làm việc của các tàu công trình thực hiện công tác nạo vét khác nhau, nên công tác nạo vét công trình thủy được định mức cho các khối tàu hút, tàu hút bụng tự hành và máy đào gầu dây. | Tiếp thu ý kiến. Đã rà soát, chỉnh sửa. “Do tính năng tác dụng, nguyên lý hoạt động, quy trình hoạt động và điều kiện làm việc của các tàu công trình thực hiện công tác nạo vét khác nhau, nên công tác nạo vét công trình hàng hải định mức cho các khối tàu hút, tàu hút bụng tự hành, máy đào gầu dây và sà lan tự hành xả đáy” |
| Chương II, Phần I- Thuyết minh và hướng dẫn áp dụng | | <p>- Nếu chiều sâu nạo vét sâu thêm 1m hoặc chiều cao ống xả cao hơn 1m, hoặc chiều dài ống xả dài thêm 100m so với chiều sâu, chiều cao và chiều dài qui định trong định mức thì cứ 1m chiều cao, 1m sâu tăng thêm hoặc 100m chiều dài ống xả dài thêm thì được nhân hệ số 1,07 so với định mức nạo vét bằng tàu hút tương ứng. Hệ số điều chỉnh cho phần tăng thêm là $1+m*0,07$ (trong đó m là số mét chiều cao, chiều sâu tăng thêm hoặc 100m chiều dài tăng thêm được xác định theo quy định, hoặc 300m chiều dài tăng thêm đối với tàu hút có công suất từ ≥ 10.000 cv).</p> <p>Xem xét, điều chỉnh: Đối với tàu hút có công suất < 10.000 cv: Nếu chiều sâu nạo vét sâu thêm 1m hoặc chiều cao ống xả cao hơn 1m, hoặc chiều dài ống xả dài thêm 100m so với chiều sâu, chiều cao và chiều dài qui định trong định mức thì cứ 1m chiều cao, 1m sâu tăng thêm hoặc 100m chiều dài ống xả dài thêm thì được nhân hệ số 1,07 so với định mức nạo vét bằng tàu hút tương ứng. Hệ số điều chỉnh cho phần tăng thêm là $1+m*0,07$</p> | <p>Đã rà soát và chỉnh sửa như sau:</p> <p>“Nếu chiều sâu nạo vét sâu thêm 1m hoặc chiều cao ống xả cao hơn 1m, hoặc chiều dài ống xả dài thêm 100m so với chiều sâu, chiều cao và chiều dài quy định trong định mức thì cứ 1m chiều cao, 1m sâu tăng thêm hoặc 100m chiều dài ống xả dài thêm thì được nhân hệ số 1,07 so với định mức nạo vét bằng tàu hút phun tương ứng. Hệ số điều chỉnh cho phần tăng thêm là $1+m*0,07$ (trong đó m là số mét chiều cao, chiều sâu tăng thêm hoặc 100m chiều dài tăng thêm được xác định theo quy định).”</p> <p>Đã chỉnh sửa tại 3. Điều kiện áp dụng hệ số tại Mục II.3. NẠO VÉT BẰNG TÀU HÚT PHUN và Mục II.4. HÚT PHUN CHẤT NẠO VÉT TỪ HỐ CHỨA LÊN BÃI BẰNG TÀU HÚT PHUN</p> |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|---|---|---|
| | | (trong đó m là số mét chiều cao, chiều sâu tăng thêm hoặc 100m chiều dài tăng thêm được xác định theo quy định). Đối với tàu hút có công suất > 10.000CV: Nếu chiều sâu nạo vét sâu thêm 1m hoặc chiều cao ống xả cao hơn 1m, hoặc chiều dài ống xả dài thêm 300m so với chiều sâu, chiều cao và chiều dài qui định trong định mức thì cứ 1m chiều cao, 1m sâu tăng thêm hoặc 300m chiều dài ống xả dài thêm thì được nhân hệ số 1,07 so với định mức nạo vét bằng tàu hút tương ứng. Hệ số điều chỉnh cho phần tăng thêm là $1+m*0,07$ (trong đó m là số mét chiều cao, chiều sâu tăng thêm hoặc 300m chiều dài tăng thêm được xác định theo quy định). Lý do: Nhằm xác định rõ đối tượng áp dụng và phương pháp tính toán. | |
| Mục 2.3 của Báo cáo đánh giá tác động | | Theo Mục 2.3 của Báo cáo đánh giá tác động do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam lập ngày 30/3/2026 đề xuất áp dụng Phương án 2 "Ban hành Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật công tác nạo vét công trình hàng hải". Để việc áp dụng các định mức phù hợp với nội dung công việc thực hiện thì cần phải quy định rõ yêu cầu kỹ thuật, điều kiện áp dụng. Vì vậy, đề nghị bổ sung thêm các nội dung sau: Thuyết minh và hướng dẫn áp dụng đối với Tàu hút bụng tự hành. Thuyết minh và hướng dẫn áp dụng đối với Máy đào gầu dây. Hướng dẫn việc lựa chọn và áp dụng | - Tiếp thu ý kiến, bổ sung Thuyết minh và hướng dẫn áp dụng đối với Tàu hút bụng tự hành tại mục <i>Thuyết minh và hướng dẫn áp dụng chung</i> - Phần I- Chương II và [3. Điều kiện áp dụng hệ số] tại Mục II.1 NẠO VÉT BẰNG TÀU HÚT BỤNG TỰ HÀNH: “ <i>Độ sâu hạ gầu đối với tàu hút bụng tự hành từ 4m đến 6m và từ 5m đến 9m theo công suất tàu, nếu độ sâu hạ gầu < 4m hoặc > 6m và < 5m hoặc > 9m thì định mức được nhân hệ số 1,15 so với định mức nạo vét bằng tàu hút bụng tương ứng.</i> ” - “Hướng dẫn việc lựa chọn và áp dụng các chủng loại thiết bị”: Việc lựa chọn kết hợp phương tiện nạo vét và phương tiện hỗ trợ cần căn cứ tính năng của |

| CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN | CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/ PHẢN BIỆN | NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH |
|---|---|--|--|
| | | các chủng loại thiết bị, công suất thiết bị cho cùng công tác xây dựng. Ví dụ: Nạo vét dưới nước bằng máy đào gầu dây, chiều sâu $\leq 6\text{m}$. Cần có quy định hoặc hướng dẫn để áp dụng các chủng loại máy đào gầu dây $\leq 5\text{ m}^3$; $\leq 8\text{ m}^3$; $\leq 12\text{ m}^3$; cho phù hợp khi lập dự toán chi phí. | phương tiện đáp ứng yêu cầu và điều kiện hiện trường đáp ứng về kinh tế kỹ thuật (tham khảo theo TCCS 02:2015/CHHVN Tiêu chuẩn cơ sở Công tác nạo vét - Thi công và nghiệm thu do Cục Hàng hải Việt Nam biên soạn và công bố). Khi lập dự toán căn cứ theo hồ sơ thiết kế thi công và hệ thống định mức đã công bố để áp dụng phù hợp. Trường hợp chưa có định mức hoặc có nhưng chưa phù hợp thì được tổ chức xây dựng, vận dụng, điều chỉnh định mức hoặc sử dụng giá xây dựng theo quy định để xác định dự toán xây dựng, tổng mức đầu tư và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. |
| SHH.12000 HÚT PHUN HỖN HỢP BÙN, ĐẤT | | Cần làm rõ nội dung của công tác trong định mức: Hút phun hỗn hợp bùn, đất từ hố chứa dưới nước lên bãi bằng tàu hút; hay “Hút phun hỗn hợp bùn, đất từ sà lan (hoặc hố chứa dưới nước) lên bãi bằng tàu hút. Để hoàn chỉnh định mức phục vụ cho việc lập dự toán chi phí, cần có nội dung hướng dẫn cụ thể việc xác định “hao phí của đường ống dẫn từ vị trí tàu hút lên vị trí bãi tập kết chất đổ thải”. | - Tiếp thu ý kiến, nghiên cứu chỉnh sửa tên nhóm công tác hút phun thành: NVHH.40000 HÚT PHUN CHẤT NẠO VÉT TỪ HỐ CHỨA LÊN BÃI BẰNG TÀU HÚT PHUN <i>Ghi chú:</i> - Định mức chưa bao gồm hao phí của đường ống dẫn từ vị trí tàu hút lên vị trí bãi tập kết chất đổ thải. Trong quá trình khảo sát, chưa đủ dữ liệu để xác định chính xác hao phí khấu hao của hệ thống ống dẫn này |
| VCHH.10000. VẬN CHUYỂN ĐẤT, CÁT ĐỒ ĐI BẰNG SÀ LAN TỰ HÀNH XÁ ĐÁY | | Đề nghị điều chỉnh đơn vị tính thành: 100m ³ /km. | Tiếp thu ý kiến, đã rà soát chỉnh sửa. |

